

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban điều hành và quản lý của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Thanh Hào	Chủ tịch
Ông Hà Thế Quang	Phó chủ tịch
Ông Phan Văn Trọng	Ủy viên
Ông Đồng Sĩ Trung	Ủy viên
Ông Trần Quang Vinh	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Ngọc Rinh	Trưởng Ban Kiểm soát
--------------------	----------------------

Ban Giám Đốc

Ông Phan Văn Trọng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tiến Việt	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Thiết kế chế tạo lắp đặt máy cơ khí nông nghiệp; Trung đại tu các loại máy thi công cơ giới; Chế tạo phụ tùng thay thế; Lắp đặt cấu kiện kim loại, thiết bị công trình thủy lợi, thủy điện; Sản xuất và lắp đặt các loại kết cấu thép trong xây dựng và công nghiệp - cơ khí công trình; Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công nghiệp và dân dụng; San lấp mặt bằng xây dựng, xử lý nền móng công trình; Xây dựng cầu đường; Mua bán các loại máy móc thiết bị và sản phẩm cơ khí (trừ cơ khí tiêu dùng); Xây lắp đường dây và biến áp đến 35KV; Xây dựng lắp đặt thiết bị cấp thoát nước và xử lý môi trường; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa các loại bình áp lực và hệ thống đường ống áp lực; Sản xuất lắp ráp các loại phương tiện cơ giới đường bộ; Lắp đặt thiết bị cơ, điện, hệ thống điều khiển dây chuyền thiết bị công nghệ các nhà máy công nghiệp - nông nghiệp - cơ khí thuộc dự án nhóm B; Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và sửa chữa bảo trì các loại thiết bị nâng hạ; Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp - nông nghiệp - xây dựng, công nghệ phẩm, hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, phương tiện cơ giới đường bộ - xe gắn máy - xe đạp và các phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội ngoại thất, lương thực - thực phẩm, thiết bị viễn thông; Dịch vụ môi giới thương mại; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Kinh doanh nhà; môi giới bất động sản; Kinh doanh và cho thuê: nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, kiot, nhà biểu diễn; Mua bán và cho thuê phương tiện vận tải.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

13,512,858,342 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2008	Năm 2007
- Doanh thu thuần	64,298,943,068	15,286,513,604
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,240,875,440	1,092,887,092

Lợi ích của các thành viên Ban Giám Đốc

Không có thành viên Ban Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thoả thuận nào đó được lập bởi Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu, các Công ty có liên quan đến Ban Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Cam kết của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác minh phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc 31/12/2008.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày 31/12/2008 đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Các chính sách kế toán được lựa chọn thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Báo cáo của Ban Giám đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm Toán Mỹ (AA) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008.

Tp. Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 3 năm 2009

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty.

TM. Hội đồng quản trị Công ty

TM. Ban Giám đốc Công ty

Hà Thế Quang

Phó Chủ tịch

Phan Văn Trọng

Tổng Giám Đốc

Số: 2009331001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Kính gửi: Ban Giám Đốc

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Số dư đầu năm của báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán viên là chấp nhận từng phần (loại trừ các khoản mục tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác, vay và nợ ngắn hạn, phải trả cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí sản xuất kinh doanh và giá vốn). Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư đầu năm cho các khoản mục nêu trên.

2. Do hợp đồng kiểm toán được ký kết sau ngày kết thúc niên độ tài chính, nên chúng tôi không có điều kiện tham gia quan sát việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định vào ngày 31/12/2008; và chúng tôi không thể tiến hành các thử nghiệm thay thế khác để có thể kiểm chứng được số lượng tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2008.

3. Như được trình bày tại phần V, mục 3.1, 3.2, 15, 18 của thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận nợ liên quan đến khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác và vay ngắn hạn. Chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế để kiểm chứng các số liệu nêu trên.

4. Như được trình bày tại phần V, mục 3.1b của thuyết minh báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty chưa xác minh đối chiếu để xác định trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5. Do những hạn chế từ phía đơn vị mà chúng tôi đã không thể kiểm tra được giá vốn theo từng công trình, bằng những thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi vẫn không thể xác định được mức độ hợp lý của khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2008 và giá vốn đã kết chuyển trong kỳ.

Ý kiến

Do những hạn chế của các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính năm 2008, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)

LÊ VĂN THANH

Tổng Giám Đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0357/KTV

Ngày 31/3/2009

VŨ TIẾN ĐÔNG

Phó Giám Đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0734/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75,221,582,475	47,122,843,454
Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.01	4,166,692,085	5,618,035,030
Tiền	111		3,958,794,410	5,618,035,030
Các khoản tương đương tiền	112		207,897,675	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13,755,120,255	-
Đầu tư ngắn hạn	121		16,031,228,923	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2,276,108,668)	-
Các khoản phải thu	130	V.03	45,548,741,053	22,339,954,589
Phải thu của khách hàng	131		23,251,121,391	10,821,631,861
Trả trước cho người bán	132		16,502,992,081	10,345,665,734
Các khoản phải thu khác	135		5,794,627,581	1,172,656,994
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140		9,394,652,193	15,575,435,943
Hàng tồn kho	141	V.04	9,394,652,193	15,575,435,943
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2,356,376,889	3,589,417,892
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,750,000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	61,795,761	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	16,633,908	468,313,838
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2,274,197,220	3,121,104,054
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,475,299,427	1,537,615,927
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		987,902,606	1,035,641,106
TSCĐ hữu hình	221	V.08	917,686,833	965,425,333
Nguyên giá	222		12,465,167,884	12,360,813,186
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11,547,481,051)	(11,395,387,853)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		70,215,773	70,215,773
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9,000,000,000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	9,000,000,000	-
Tài sản dài hạn khác	260		487,396,821	501,974,821
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	286,974,821	486,974,821
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		200,422,000	15,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85,696,881,902	48,660,459,381

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		71,458,869,182	40,862,452,525
Nợ ngắn hạn	310		70,464,864,508	39,959,452,525
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5,319,820,000	1,353,265,927
Phải trả cho người bán	312	V.18	5,316,248,408	3,621,468,403
Người mua trả tiền trước	313	V.18	31,642,118,408	24,547,908,700
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5,524,359,911	3,790,017,289
Phải trả công nhân viên	315		-	1,004,641,962
Chi phí phải trả	316		568,055,063	568,055,063
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.18	22,094,262,718	2,392,276,999
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	2,681,818,182
Nợ dài hạn	330		994,004,674	903,000,000
Phải trả dài hạn khác	333	V.19	903,000,000	903,000,000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		91,004,674	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14,238,012,720	7,798,006,856
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	14,238,012,720	8,141,998,464
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13,180,262,313	13,180,262,313
Thặng dư vốn cổ phần	412		445,617,017	445,617,017
Quỹ đầu tư phát triển	417		45,834,151	45,834,151
Quỹ dự phòng tài chính	418		306,121,860	306,121,860
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		260,177,379	(5,835,836,877)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	(343,991,608)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	(343,991,608)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85,696,881,902	48,660,459,381

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản thuê ngoài				
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
Ngoại tệ các loại (USD)			518,272.42	177,570.40
(EUR)			32,907.44	
(JPY)			82.00	
Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2009

Đình Tiến Việt
Kế toán trưởng

Phan Văn Trọng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Tổng doanh thu	01	VI.25	64,298,943,068	15,286,513,604
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 = 01 - 02)	10		64,298,943,068	15,286,513,604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	55,933,357,807	12,685,583,831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		8,365,585,261	2,600,929,773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1,561,065,669	170,451,432
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	2,512,862,275	147,245,341
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	89,442,536
8. Chi phí bán hàng	24		10,118,836	334,251,638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,162,794,379	1,196,997,134
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
[30 = 20 + (21 -22) - (24 + 25)]	30		5,240,875,440	1,092,887,092
11. Thu nhập khác	31		2,194,359,457	2,558,703,334
12. Chi phí khác	32		500,580,171	3,014,622,626
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,693,779,286	(455,919,292)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
(50 = 30 + 40)	50		6,934,654,726	636,967,800
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	417,568,862	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		6,517,085,864	636,967,800
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		5,167	505

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2009

Đình Tiến Việt
Kế toán trưởng

Phan Văn Trọng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61,521,695,029	33,537,068,421
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29,378,310,973)	(16,362,331,448)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,636,722,689)	(2,022,858,595)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(112,595,520)	(89,442,536)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20,290,671,843	3,076,472,191
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30,687,852,756)	(15,570,547,081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18,996,884,934	2,568,360,952
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(562,884,823)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		180,100,000	1,351,533,333
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(52,346,093,716)	(4,000,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		36,457,868,018	4,000,000,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(9,000,000,000)	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		838,788,267	440,324,488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24,432,222,254)	1,791,857,821
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,000,000,000	1,602,000,000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,054,000,000)	(948,858,000)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,946,000,000	653,142,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,489,337,320)	5,013,360,773
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60		5,618,035,030	600,150,744
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		37,994,375	4,523,513
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		4,166,692,085	5,618,035,030

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2009

Đinh Tiến Việt
Kế toán trưởng

Phan Văn Trọng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu được chuyển hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Giấy phép số 206/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10/12/1998 và Quyết định 5089/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/1999 của Bộ Trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Thiết kế chế tạo lắp đặt máy cơ khí nông nghiệp; Trung đại tu các loại máy thi công cơ giới; Chế tạo phụ tùng thay thế; Lắp đặt cấu kiện kim loại, thiết bị công trình thủy lợi, thủy điện; Sản xuất và lắp đặt các loại kết cấu thép trong xây dựng và công nghiệp - cơ khí công trình; Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công nghiệp và dân dụng; San lấp mặt bằng xây dựng, xử lý nền móng công trình; Xây dựng cầu đường; Mua bán các loại máy móc thiết bị và sản phẩm cơ khí (trừ cơ khí tiêu dùng); Xây lắp đường dây và biến áp đến 35KV; Xây dựng lắp đặt thiết bị cấp thoát nước và xử lý môi trường; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa các loại bình áp lực và hệ thống đường ống áp lực; Sản xuất lắp ráp các loại phương tiện cơ giới đường bộ; Lắp đặt thiết bị cơ, điện, hệ thống điều khiển dây chuyển thiết bị công nghệ các nhà máy công nghiệp - nông nghiệp - cơ khí thuộc dự án nhóm B; Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và sửa chữa bảo trì các loại thiết bị nâng hạ; Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp - nông nghiệp - xây dựng, công nghệ phẩm, hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, phương tiện cơ giới đường bộ - xe gắn máy - xe đạp và các phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội ngoại thất, lương thực - thực phẩm, thiết bị viễn thông; Dịch vụ môi giới thương mại; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Kinh doanh nhà; môi giới bất động sản; Kinh doanh và cho thuê: nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, kiot, nhà biểu diễn; Mua bán và cho thuê phương tiện vận tải.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 36
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 12

b. TSCĐ vô hình

4 Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

9 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2007	16.114 VND/USD
	31/12/2008	16.977 VND/USD
		191.12 VND/JPY
		24,458 VND/EUR

11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tương đối chắc chắn. Tại thời điểm ghi nhận doanh thu đơn vị đã hoàn thành việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua, đồng thời xác định được các chi phí có liên quan

Doanh thu công trình được ghi nhận khi kết quả của Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo khối lượng công việc đã hoàn thành được các bên liên quan xác nhận và được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Xác định được phần công việc đã hoàn thành

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng;

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 28%.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14 Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

15 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
1.1 Tiền mặt tại quỹ	96,406,749	92,829,766
1.2 Tiền gửi ngân hàng	3,862,387,661	5,525,205,264
1.3 Các khoản tương đương tiền	207,897,675	-
Tổng cộng	<u>4,166,692,085</u>	<u>5,618,035,030</u>

Trong đó:

1.1 Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2008

- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN	3,382,008,745
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	283,296,326
- Ngân hàng Techcombank	146,514,654
- Ngân hàng Vietcombank	44,907,075
- Công ty Chứng khoán Bảo Việt	5,660,861

Cộng **3,862,387,661**

1.2 Chi tiết các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2008

- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại NH ĐT & PT VN	207,897,675
---	-------------

Cộng **207,897,675**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3,125,268,698	-
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác	12,905,960,225	-
2.3 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2,276,108,668)	-
	<u>13,755,120,255</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong đó:

2.1 Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại 31/12/2008

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ tại 31/12/2008
- Cổ phiếu FPT	3,000	329,406,738
- Cổ phiếu HAP	16,000	1,049,642,698
- Cổ phiếu REE	7,000	466,047,622
- Cổ phiếu SC5	7,200	782,212,787
- Cổ phiếu STB	10,350	497,958,853
	43,550	3,125,268,698

2.2 Chi tiết đầu tư ngắn hạn khác tại 31/12/2008

- Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng NN&PTNT VN	7,396,650,225
- Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Techcombank	509,310,000
- Đầu tư ngắn hạn khác	5,000,000,000

Cộng

12,905,960,225

2.3 Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại 31/12/2008 (a)

	Số trích lập dự phòng	Trị giá sau khi trích lập
- Cổ phiếu FPT	(179,406,738)	150,000,000
- Cổ phiếu HAP	(838,442,698)	211,200,000
- Cổ phiếu REE	(320,447,622)	145,600,000
- Cổ phiếu SC5	(630,292,757)	151,920,030
- Cổ phiếu STB	(307,518,853)	190,440,000

Tổng cộng

(2,276,108,668)

849,160,030

Ghi chú:

(a) Đơn vị trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn cho các mã chứng khoán trên dựa theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
3.1 Phải thu khách hàng	23,251,121,391	10,821,631,861
Công ty khai thác thủy lợi Đồng Na (b)	34,718,828	34,718,828
Công ty Xây dựng Miền Nam (b)	29,962,000	29,962,000
Ban quản lý dự án Thủy lợi 416 (b)	174,425,123	174,425,123
Bông Nha Trang (b)	152,712,000	152,712,000
Xí nghiệp TM và ĐT GTVT (b)	140,470,015	140,470,015
Công ty CP XD Thủy lợi 2 (b)	90,522,363	90,522,363
Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam (b)	38,796,800	38,796,800
Công ty Cơ khí Điện Thủy lợi (b)	1,352,595,377	1,352,595,377
Ban quản lý dự án Thủy lợi 413	-	207,250,000
Tổng công ty Xây dựng An Bình (b)	342,961,763	342,961,763
Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng (b)	45,043,000	45,043,000
Công ty TNHH Nam Hải (Nghệ An) (b)	840,476,000	840,476,000
Công ty TNHH Thép Khương Mai (b)	123,000,000	123,000,000
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (b)	3,716,052,813	3,716,052,813

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1		8,726,100,357	-
Tổng công ty Xây dựng 4	(b)	2,052,991,178	702,878,018
Công ty Xây dựng 41		531,814,630	931,814,630
Công ty Xây dựng 46	(b)	112,559,858	112,559,858
Công ty Xây dựng 47	(b)	25,050,000	25,050,000
Công ty TBD - Tổng công ty Chè Việt Nam	(b)	10,770,000	10,770,000
Công ty bột giặt Lix	(b)	30,800,155	30,800,155
Công ty Xây dựng số 14	(b)	25,452,787	25,452,787
Công ty Sài Gòn Dad	(b)	32,440,000	32,440,000
Công ty ĐTXD D.P.D	(b)	43,500,000	43,500,000
Công ty tư vấn xd Sino-Pacific	(b)	1,100,000	1,100,000
Công ty CP Sữa Sài Gòn	(b)	3,000,000	3,000,000
Công ty công trình Đường Sắt 3	(b)	7,781,025	7,781,025
Công ty ĐT và XD Cấp thoát Nước	(b)	4,390,750	4,390,750
Sở Nông Nghiệp và PTNT TpHCM		5,310,000	49,300,000
Xí nghiệp đầu tư và Xây dựng		17,795,274	37,795,274
Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn		-	44,050,000
Công ty Thủy lợi 2		-	1,350,113,160
Công ty Xi Măng Nghi Sơn		4,010,904,065	-
Khác		527,625,230	187,110,122

(b) Các khách hàng có số dư nợ phải thu cần được lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006.

3.2 Trả trước cho nhà cung cấp	USD (#)	16,502,992,081	10,345,665,734
Gir Hsin Development Ltd.	412,150.31	6,997,075,813	6,879,358,771
Gir Gai Trading Co., Ltd.	119,829.60	2,034,347,119	1,934,529,062
Hsin Hung Screw Ind.,Co.,Ltd.	11,564.61	196,332,384	157,346,689
Công ty CP Nam Trinh		533,727,516	584,201,230
Công ty TNHH C.S.S		3,345,153,883	-
Công ty TNHH Nhật Nam		995,905,112	-
Công ty TNHH SX & TM Thép An Phú Hưng		563,665,152	-
Công ty TNHH cách nhiệt - cách âm Licor		791,017,868	-
DNTN TM - DV Tư Thành		143,330,248	-
Khác		902,436,986	790,229,982
3.3 Các khoản phải thu khác		5,794,627,581	1,172,656,994
Công ty CP TMSX - XD Hưng Thịnh	(c)	4,607,761,524	-
Kinh phí công đoàn		59,154,605	129,959,304
Bảo hiểm xã hội		-	156,607,839
Khác		1,127,711,452	886,089,851
Tổng cộng		45,548,741,053	22,339,954,589
Dự phòng phải thu khó đòi		-	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác		45,548,741,053	22,339,954,589

(c) Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu thanh toán 30% giá trị theo Hợp đồng Thỏa thuận về việc thuê đất tại KCN Đồng An 2 số 08/2008/TTGN ngày 28/2/2008 để xây dựng nhà xưởng sản xuất cơ khí và xây dựng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3,079,817,096	348,338,480
Công cụ, dụng cụ	120,346,128	23,193,073
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6,194,488,969	15,203,904,390
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9,394,652,193	15,575,435,943
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	9,394,652,193	15,575,435,943

5. Tài sản ngắn hạn khác

5.1 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	61,795,761	-
Tổng cộng	61,795,761	-

5.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa	-	440,764,767
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1,596,281	-
Thuế nhập khẩu	5,807,800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	15,049,284
Thuế khác	8,822,787	12,499,787
Phí, lệ phí	407,040	-
Tổng cộng	16,633,908	468,313,838

5.3 Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	2,274,197,220	3,098,636,854
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	22,467,200
Tổng cộng	2,274,197,220	3,121,104,054

6. Phải thu dài hạn nội bộ

7. Phải thu dài hạn nội bộ và dài hạn khác

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	3,894,844,577	6,941,448,457	1,099,507,901	425,012,251	12,360,813,186
Tăng trong kỳ	-	74,285,715	488,599,108	-	562,884,823
Giảm trong kỳ	-	-	458,530,125	-	458,530,125
Số dư cuối kỳ	3,894,844,577	7,015,734,172	1,129,576,884	425,012,251	12,465,167,884

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	3,634,460,763	6,410,161,116	925,753,723	425,012,251	11,395,387,853
Tăng trong kỳ	158,240,506	339,958,709	112,424,108	-	610,623,323
Giảm trong kỳ	-	-	458,530,125	-	458,530,125
Số dư cuối kỳ	3,792,701,269	6,750,119,825	579,647,706	425,012,251	11,547,481,051

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	260,383,814	531,287,341	173,754,178	-	965,425,333
Số dư cuối kỳ	102,143,308	265,614,347	549,929,178	-	917,686,833

Nguyên giá TSCDHH cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại Công ty: 8.280.836.839 đồng

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính (TSCĐ thuê TC)

10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư

13. Đầu tư dài hạn khác

		<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết	(d)	9,000,000,000	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn		9,000,000,000	-

(d) Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu góp vốn đợt 1 để thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư Nguyễn Xí, P.26, Q. Bình Thạnh, Tp HCM.

Vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia: 38.000.000.000 đồng.

Trong đó: Tỷ lệ góp vốn của các thành viên như sau:

+ Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu	45%
+ Công ty CP Xây dựng Cotec	30%
+ Công ty CP Chứng khoán Bản Việt (Việt Capital)	18%
+ Công ty CP Đầu tư xây dựng Phú Hưng Gia	7%
	<u>100%</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi	
			phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Phân bổ chi phí	486,974,821	-	200,000,000	286,974,821
Cộng	486,974,821	-	200,000,000	286,974,821

Chi phí trả trước dài hạn là khoản chi phí hoa hồng môi giới còn tồn đọng từ năm 2001 đến 30/6/2004 được phân bổ cho các năm tài chính sau theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2006.

15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay ngắn hạn		
Công ty CK Lắp ráp TB Bình Triệu	21,000,000	21,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu	19,480,000	19,480,000	
Trần Quang Vinh	-	300,000,000	
Nguyễn Thanh Hào	5,100,000,000	824,000,000	
Lê Huy Cường	179,340,000	209,340,000	
Hoàng Thị Thanh	-	(634,000)	
Nguyễn Thị Hòa	-	(17,870,073)	
Nguyễn Thị Vân	-	(1,050,000)	
Trần Duy Hân	-	(1,000,000)	
Tổng cộng	5,319,820,000	1,353,265,927	
16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước			
	Cuối năm	Đầu năm	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	5,121,840,333	3,790,017,289	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	402,519,578	-	
Tổng cộng	5,524,359,911	3,790,017,289	
17. Chi phí phải trả			
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
	Cuối năm	Đầu năm	
18.1 Phải trả cho người bán			
Sài Ngọc Tuyền	-	126,000,000	
Xí nghiệp Đầu tư và Xây dựng hạ tầng 556	449,942,990	549,942,990	
Công ty TNHH C.S.S	-	144,072,499	
Trung tâm AT&MT Dầu khí	494,072,955	524,072,955	
Công ty CP Việt Nguyên	195,431,322	195,431,322	
DNTN VTĐS Thuận Thiên	32,000,000	50,000,000	
Công ty KTCT TL Tiền Giang	168,694,609	168,694,609	
Công ty CP Công nghệ CN Intec	32,011,798	32,011,798	
Nguyễn Văn Trí	87,724,019	87,724,019	
Công ty TNHH Thép Khương Mai	783,311,273	123,000,042	
Công ty Dịch vụ & PT đô thị Q12	964,555,669	980,555,669	
Bùi Văn Lượng	122,638,025	122,638,025	
Công ty TNHH Bureau Veirtas	32,658,228	32,658,228	
Công ty TNHH SXTM Tân Quốc Hưng	810,472,500	-	
Công ty TNHH Thép Đại Việt	502,594,645	-	
Công ty TNHH TMDV Lê Hùng Sao Mai	123,057,823	-	
Khác	517,082,552	484,666,247	
Tổng cộng	5,316,248,408	3,621,468,403	
	USD (#)	Cuối năm	Đầu năm
18.2 Người mua trả tiền trước			
Nhà máy xi măng Hà Tiên	1,234,669,308	1,234,669,308	
Haver Boercker	553,795,023	553,795,023	
Haver Boercker - Công trình XMHT 1	1,515,779,742	1,289,068,837	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Haver & Boecker Maschinenf Abrik	14,400.00	244,468,800	-
Loesche - Công trình XMHT 1	8,455.65	143,551,570	-
Ban Quản lý dự án 413 (Lâm Đồng)		439,929,000	300,000,000
Ban Quản lý dự án TL 415		283,562,006	283,562,006
Tổng công ty xây dựng An Bình		2,988,404,324	2,988,404,324
Ammermann Partners Group Pty Ltd	35,118.64	596,209,151	561,384,685
Thái Việt Hoàng		177,319,982	177,319,982
Kawasaki Heavy Industries Gtech		299,689,877	1,705,351,371
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (H&B BP)		10,356,250,810	4,875,445,899
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 1 (Loesche)		1,237,625,018	
Hazama (Marubeni - CT Nhơn Trạch)	627,012.07	10,644,783,912	9,972,016,258
Ban Quản lý ĐTXD TL 10		-	113,847,000
Tadano		79,080,898	79,080,898
Phú Mỹ 2-1		178,033,689	178,033,689
Daneili & C. Officine Meccaniche SpA	24,151.10	410,013,225	-
Khác		258,952,073	235,929,420
Tổng cộng	709,137.46	31,642,118,408	24,547,908,700

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
18.3 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn		
BHXH, BHYT	-	348,083,631
Kinh phí công đoàn	-	450,000
Tạm ứng	2,806,769,498	675,944,934
+ Phạm Xuân Thái	586,031,694	-
+ Lê Viết Trân	694,139,816	201,223,568
+ Nguyễn Văn Nhac	1,098,560,293	333,721,563
+ Nguyễn Dương Sơn	355,945,042	87,292,974
+ Trần Duy Hân	72,092,653	34,294,158
+ Khác	-	19,412,671
Phải trả phải nộp khác	19,287,493,220	1,367,798,434
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gi	18,000,000,000	-
+ Khác	1,287,493,220	1,367,798,434
Tổng cộng	22,094,262,718	2,392,276,999

19 Phải trả dài hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (e)	903,000,000	903,000,000
	903,000,000	903,000,000

(e) Trong đó: Công ty TNHH C.S.S ứng trước cho Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu 900.000.000 đồng để bảo lãnh việc thiết kế, cung cấp lắp đặt hạng mục điện của trạm phân phối xi măng Nghi Sơn tại Ninh Thủy tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng số: 110/BTC-HĐKT2007 ngày 11/09/2007.

20. Các khoản vay và nợ dài hạn

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

22. Tình hình góp vốn điều lệ

22.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13,180,262,313	(6,472,804,677)	445,617,017	10,384,403	7,163,459,056
+ Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
+ Lợi nhuận năm trước	-	636,967,800	-	-	636,967,800
+ Tăng khác	-	-	-	-	-
+ Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	(2,420,000)	(2,420,000)
Số dư đầu năm nay	13,180,262,313	(5,835,836,877)	445,617,017	7,964,403	7,798,006,856
+ Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
+ Lợi nhuận trong năm	-	6,517,085,864	-	-	6,517,085,864
+ Tăng khác	-	-	-	343,991,608	343,991,608
+ Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	(421,071,608)	-	-	(421,071,608)
Số dư cuối năm nay	13,180,262,313	260,177,379	445,617,017	351,956,011	14,238,012,720

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đối tượng	Cuối năm	Đầu năm
+ Vốn đầu tư của các chủ sở hữu	13,180,262,313	13,180,262,313
- Vốn góp đầu kỳ	13,180,262,313	13,180,262,313
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	13,180,262,313	13,180,262,313
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Trong đó: Vốn điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 13.512.858.342 đồng vượt số vốn góp thực tế thể hiện trên Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2008 là 332.596.029 đồng.

22.3 Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,351,285	1,351,285
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,261,345	1,261,345
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông	1,261,345	1,261,345
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,261,345	1,261,345
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu phổ thông	1,261,345	1,261,345

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

22.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,517,085,864	636,967,800
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6,517,085,864	636,967,800
+ Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,261,345	1,261,345
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5,167</u>	<u>505</u>

23. Nguồn kinh phí

24. Tài sản thuê ngoài

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	64,298,943,068	15,286,513,604
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	64,298,943,068	15,286,513,604

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

27. Doanh thu thuần

28. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	55,933,357,807	12,685,583,831
Tổng cộng	55,933,357,807	12,685,583,831

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,004,600,923	115,592,288
Lãi từ đầu tư CK ngắn hạn	218,100,000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	108,011,745	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	230,353,001	54,859,144
Tổng cộng	1,561,065,669	170,451,432

30. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	115,230,145	89,442,536
Dự phòng giảm giá đầu tư CK ngắn hạn	2,276,108,668	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121,523,462	47,656,487
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10,146,318
Tổng cộng	2,512,862,275	147,245,341

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	417,568,862	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay.	-	-
Cộng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>417,568,862</u>	<u>-</u>

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29,955,492,126	18,449,113,853
Chi phí nhân công	7,913,133,799	3,749,621,728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610,623,324	491,840,967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,345,596,999	3,188,585,628
Chi phí khác bằng tiền	7,202,688,725	5,586,269,553
Tổng cộng	<u>49,027,534,973</u>	<u>31,465,431,729</u>

34. Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
34.1 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,934,654,726	636,967,800
- Các khoản điều chỉnh tăng	460,580,171	-
+ Chi phí phải lấy từ lợi nhuận trước thuế	460,580,171	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5,903,917,532)	(786,987,145)
+ Cổ tức được chia	(218,100,000)	-
+ Chuyển lỗ năm 2003	-	(755,189,004)
+ Chuyển lỗ năm 2004	(5,685,817,532)	(31,798,141)
34.2 Tổng thu nhập chịu thuế	1,491,317,365	(150,019,345)
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	417,568,862	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Thuế TNDN phải nộp	417,568,862	-
34.3 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>6,517,085,864</u>	<u>636,967,800</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP đầu tư XD Triệu Hưng Gia	Đầu tư vào công ty liên kết	Cho mượn tiền	18,000,000,000
Nguyễn Thanh Hào	Chủ tịch công ty	Cho vay ngắn hạn	5,100,000,000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

5. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

6. Thông tin về hoạt động liên tục

7. Những thông tin khác

Tp. HCM, ngày 09 tháng 3 năm 2009

Đình Tiến Việt
Kế toán trưởng

Phan Văn Trọng
Tổng Giám đốc